TAND HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06/06/2024
Về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY - TỈNH THANH HÓA

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Huy Phương

2. Ông Dương Ngọc Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 06 năm 2024,Tại Hội trường xét xử TAND huyện Cẩm Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số 18/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024 về việc "Ly hôn và nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/HNGĐ ngày 09/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy .

Giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L - Sinh năm 1991

HKTT: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Hà Văn H - Sinh năm 1989

HKTT: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnhThanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 (Đã được tống đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Chị và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức cưới

theo phong tục địa phương. Đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C vào ngày 19/11/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc tại gia đình nhà chồng. Đến cuối năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cũng từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Hà Duy K - Sinh ngày 06/09/2010. Hiện tại cháu K đang ở với ông bà nội và anh H.

Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Duy K, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh H 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tại thời điểm chị L làm đơn xin ly hôn anh H không có mặt ở nhà, do đang đi làm ăn ở tỉnh Nghệ An. Anh H không về nhà nhưng thường xuyên gọi điện về cho mẹ đẻ (Bà Bùi Thị M) và cháu K. Anh H liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể của mình. Do vậy Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, đồng thời làm việc với bà Bùi Thị M để giao các văn bản tố tụng. Bà M đã nhận các văn bản tố tụng và cam kết thông báo cụ thể cho anh H. Bà M nói lại ý kiến của anh H (Có xác nhận trong biên bản làm việc với Tòa án) là: Anh H không về được vì lý do công việc, anh nhất trí ly hôn với chị L, anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Duy K, sinh ngày 06/09/2010, anh có nguyện vọng được nuôi con, chị L cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

Như vậy Tòa án đã tiến hành xác minh và có cơ sở khẳng định anh H cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ, không đến Tòa để giải quyết vụ án.

Tòa án đã giao cho bà Bùi Thị M các văn bản gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Bà M cam kết sẽ thông báo cho anh H biết nội dung các văn bản trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227 và điều 273 BLTTDS; Khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Hà Văn H; Giao cháu Hà

Duy K - Sinh ngày 06/09/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã đực xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị L làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn là anh Hà Văn H có hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho bà Bùi Thị M (mẹ đẻ anh L), đồng thời bà M cam kết thông báo cho anh L biết, nhưng anh L vẫn cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ. Vì vậy căn cứ theo quy định của pháp luật Tòa án xét xử vắng mặt anh L.

[3] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về "Ly hôn và nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 điều 28 BLTTDS.

[4] Về Hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C ngày 19/11/2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống chị L và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Hà Văn H là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Hà Văn H có 01 con chung là cháu Hà Duy K, sinh ngày 06/09/2010. Chị L đề nghị giao cho A H trực tiếp nuôi dưỡng cháu K đến tuổi thành niên, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng. Theo như bà Bùi Thị M (mẹ đẻ anh H) thì anh H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu K, vì lâu nay cháu đang ở ổn định với bố mà ông bà nội .

Xét thấy nguyện vọng của chị L và anh H là hoàn toàn chính đáng. Cháu K đang sinh sống ổn định với bố và ông bà nội và tại đơn nguyện vọng ngày 12 tháng 03 năm 2024 cháu cũng muốn được tiếp tục ở với anh H. Vì vậy nên giao cháu Hà Duy K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đ. Xét thấy mức cấp dưỡng này là phù hợp với điều kiện và

mức sống tại địa bàn huyện C vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227 và điều 273 BLTTDS; Căn cứ khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Hà Văn H.

Về con chung: Giao cháu Hà Duy K, sinh ngày 06/09/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị L có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H hàng tháng là 2.000.000đồng, thời gian tính từ tháng 6 năm 2024 đến khi cháu K cháu đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số 0000935 ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Thủy.

Chị L còn phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDH. Cẩm Thủy;
- UBND xã thực hiện đăng ký;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Sơn